

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HC-ST

Ngày: 17-7-2018

*V/v Khiếu kiện QĐ hành chính
trong lĩnh vực thu hồi đất và
bồi thường*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Hội thẩm:
1. Ông Nguyễn Đình Long
2. Ông Lê Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tư; Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2017/TLST-HC ngày 17-11-2017, về “*Khiếu kiện QĐ giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực bồi thường thu hồi đất*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HC ngày 04-5-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HC ngày 16-5-2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 551/TB-MLPT ngày 31-5-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HC ngày 12-6-2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 696/TB-TA ngày 02-7-2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Hoàng Thị T, sinh 1984; Địa chỉ: Thôn Buôn G, thị trấn Cát T, huyện Cát T, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện: Luật sư Đỗ Văn B; Văn phòng luật sư Đỗ B; Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện Cát T, tỉnh Lâm Đồng
Trụ sở: Đường Phạm Văn Đ, thị trấn Cát T, huyện Cát T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn H; Chức vụ Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng P, Chức vụ Phó Chủ tịch (*Văn bản ủy quyền số 36/UBND ngày 05/3/2018*). Có mặt

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cát T, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng P; Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 162/TB-UBND ngày 23/5/2018". Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích của của người bị kiện:

- Ông Trần Trọng C; chức vụ Phó phòng Tài nguyên và môi trường huyện Cát T. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Đức C, Chức vụ Cán bộ Trung tâm khai thác công trình công cộng huyện Cát T. Có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Vợ chồng ông Điều K' M, sinh 1958; bà Điều Thị K'B, sinh 1958; Địa chỉ Thôn Buôn G, thị trấn Cát T, huyện Cát T, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- *Người làm chứng:*

Ông Điều K' D, sinh 1979; Địa chỉ Thôn Buôn G, thị trấn Cát T, huyện Cát T, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Ông Hoàng Văn Q, sinh 1975; Địa chỉ Tổ dân phố 10, thị trấn Cát T, huyện Cát T, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Ông Điều K' G, sinh 1969; Địa chỉ Thôn Buôn G, thị trấn Cát T, huyện Cát T, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của người khởi kiện bà T trình bày: Năm 2005 vợ chồng bà T, ông Điều K' L (ông L chết ngày 07-10-2016; sau đây gọi chung vợ chồng bà T) khai phá diện tích đất khoảng 3.000m² tại xã Tư N, huyện Cát T, sau đó quản lý sử dụng ổn định, không tranh chấp, trong đó có diện tích 1.729,2m² ao (hồ nuôi trồng Thủy sản); diện tích còn lại làm bờ ao và vườn trồng cây công nghiệp, đã kê khai, đăng ký nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt sổ đỏ).*

Theo dự án “*Hồ chứa nước Tư N*”, toàn bộ diện tích đất này thuộc dự án, nên vợ chồng bà T đồng tình và chấp hành, giao mặt bằng để thi công công trình, nên ông Điều K' L khi còn sống đã thay mặt vợ chồng trực tiếp làm việc, kê khai về hồ sơ đền bù, giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, theo hồ sơ bồi thường, hỗ trợ gồm giá trị đất, cây trồng quanh bờ ao, đã bồi thường, không thắc mắc gì; đối với việc bồi thường diện tích 1.729,2m² ao hồ trị giá 159.086.400đ (làm tròn số 159.086.000đ) chưa được nhận.

Sau khi khiếu nại, ngày 25-4-2017 UBND huyện Cát T trả lời cho rằng “...Ngày 12-5-2016 ông Điều K' L đã gửi đơn kiến nghị đến UBND huyện Cát T và các ngành chức năng xem xét giải quyết; sau đó được giải quyết khiếu nại tại Thông báo số 288/TB-UBND ngày 20-7-2016...(sau đây viết tắt Thông báo số 288/TB-UBND); yêu cầu thực hiện thông báo này” là không đúng, Bồi lẽ:

- Theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 29-5-2015 (sau đây viết tắt QĐ số 60/QĐ-UBND) về thu hồi đất, phê duyệt bồi thường cho 08 hộ dân, trong đó vợ chồng bà Thêm, UBND huyện Cát T và cơ quan chuyên môn đã thẩm tra,

xác minh, đo vẽ diện tích, tính toán giá trị bồi thường theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế diện tích đất từng hộ quản lý, sử dụng, trong cùng khu vực; sau đó vợ chồng bà T đã thống nhất về diện tích, mức bồi thường, bàn giao mặt bằng, công trình đã thi công xong, đưa vào khai thác (*hồ đã tích nước ngập*). Tuy nhiên, UB huyện Cát T ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 09-5-2016 (*sau đây viết tắt QĐ số 47/QĐ-UBND*) “*Không chi trả số tiền 159.086.000đ cho hộ ông Điều K’ L...*” là không đúng, xâm hại đến quyền lợi của vợ chồng.

Nay khởi kiện đề nghị hủy QĐ số 47/QĐ-UBND; Hủy Thông báo số 228/TB-UBND của chủ tịch UBND huyện Cát T; Hủy Thông báo số 421/TB-UBND ngày 30-12-2015; Hủy Thông báo số 45/TCD ngày 03-5-2017 của UBND huyện Cát T, tỉnh Lâm Đồng.

* *Theo ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện Cát T; Chủ tịch UBND huyện Cát T trình bày: QĐ số 60/QĐ-UBND của UB huyện Cát T về thu hồi đất của vợ chồng bà T, đối với diện tích 1.729,2m² ao hồ là đúng, sau đó UB huyện Cát T ban hành Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 21-8-2015 (sau đây viết tắt QĐ số 91/QĐ-UBND), vợ chồng bà T được bồi thường 182.985.600đ; sau đó điều chỉnh giảm phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ; vợ chồng bà T chỉ được bồi thường số tiền 159.086.000đ (làm tròn số) tại Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 14-9-2015 (sau đây viết tắt QĐ 103/QĐ-UBND ngày 14-9-2015).*

- Tại Quyết định số 47/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giảm về phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ thì vợ chồng bà T không được bồi thường số tiền 159.086.000đ.

Văn bản Thông báo số 421/TB-UBND ngày 30-12-2015 của UB huyện Cát T, về việc chỉ đạo kiểm tra, rà soát tham mưu Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (*sau đây viết tắt Hội đồng bồi thường*) dự án hồ chứa nước Tư N để giải quyết đơn đề nghị của ông Điều K’L theo quy định.

Tại báo cáo số 01/BC-HĐBT ngày 07-01-2016, về việc giải quyết đơn đề nghị của vợ chồng bà T; Báo cáo số 11/BC-HĐBT ngày 29-3-2016 về việc báo cáo một số tồn tại trong việc giải phóng mặt bằng xây dựng Hồ chứa nước Tư N. Thông báo số 12/TB-HĐBT ngày 11-4-2016 về kết luận của Chủ tịch Hội đồng bồi thường về điều chỉnh giảm số tiền 159.086.000đ tương ứng với diện tích 1.729,2m² đã được phê duyệt là phù hợp. Bởi lẽ sau khi kiểm tra rà soát thể hiện diện tích 1.729,2m ao nêu trên không đủ điều kiện để chi trả tiền bồi thường; lý do nguồn gốc là đất rừng sản xuất; hiện trạng đất dọc theo khe suối là cây lồ ô và cỏ dại; ông Điều K’ L chưa có tác động khai phá sản xuất hoặc đào ao, thả cá đối với diện tích nói trên thể hiện tại biên bản ngày 08-01-2014 về kiểm kê hiện trạng và thống nhất kê tài sản gắn liền trên đất thuộc phạm vi thu hồi đất; Hội đồng bồi thường thống nhất không đưa diện tích 1.729,2m² đất nói trên để xây dựng phương án tính toán bồi thường.

Việc bà Thêm khiếu nại đề nghị bồi thường về đất ao nuôi trồng thủy sản và được trả lời tại Văn bản số 228/TB-UBND; Văn bản số 45/TCD ngày 03-5-2017 về việc trả lại đơn kiến nghị của bà T là đúng quy định pháp luật. Nay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông bà Điều K'M, Điều Thị B trình bày:* Ông Điều K'M, bà Điều Thị B là cha mẹ của anh Điều K' L đồng ý với ý kiến của bà Hoàng Thị T.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức đối thoại nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với văn bản số 421/TB-UBND ngày 30-12-2015; giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét hủy QĐ số 47/QĐ-UBND; Hủy các Thông báo số 228/TB-UBND; Thông báo số 45/TCD ngày 03-5-2017 của UBND huyện Cát T về giải quyết khiếu nại.

Người bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện cho rằng; theo QĐ số 60/QĐ-UBND của UB huyện Cát T về thu hồi diện tích 1.729,2m² đất nói trên xác định đất nuôi trồng thủy sản (ao hồ), hiện nay QĐ này đang có hiệu lực pháp luật, không bị QĐ hành chính nào thu hồi hủy bỏ. Tuy nhiên QĐ số 47/QĐ-UBND lại cho rằng diện tích đất thuộc đất rừng; đất chưa tác động là không đúng với lời trình bày của người làm chứng. Hiện tại diện tích này đã bị ngập nước, nên căn cứ cho rằng là đất rừng, đất chưa tác động như QĐ số 47/QĐ-UBND đề cập là không có căn cứ. Đề nghị chấp nhận khởi kiện hủy QĐ số 47/QĐ-UBND; Hủy các Thông báo số 228/TB-UBND; Thông báo số 45/TCD ngày 03-5-2017 của UBND huyện Cát T nêu trên.

Đại diện người bị kiện, người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện xác định QĐ số 60/QĐ-UBND về thu hồi diện tích 1.729,2m² thuộc đất nuôi trồng thủy sản (ao hồ), hiện nay QĐ này đang có hiệu lực pháp luật, không bị QĐ hành chính nào thu hồi hủy bỏ là đúng. Khi giải quyết khiếu nại, tại Kết luận số 421/TB-UBND ngày 30-12-2015; giao cho các ngành kiểm tra tham mưu giúp UB huyện Cát T giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, do diện tích đất này ngập nước, nên không thể hiện tra hiện trạng, nên căn cứ hồ sơ để xác định là đất rừng, đất chưa tác động. Đối với biên bản kiểm tra hiện trạng ghi ngày 08-01-2014, đúng là ông Điều K' L ký và ghi “*đề nghị tính đất ao hồ*” nhưng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng không tiến hành kiểm tra hiện trạng theo đề nghị này.

Căn cứ ban hành QĐ số 47/QĐ-UBND theo báo cáo của Chủ đầu tư; Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đề xuất là có căn cứ. Thông báo số 228/TB-UBND; Thông báo số 45/TCD ngày 03-5-2017 của UBND huyện Cát T đều giải quyết khiếu nại tuy không đúng về hình thức nhưng nội dung giải quyết không chấp nhận khiếu nại là có căn cứ.

Tại phiên tòa người làm chứng xác định, diện tích đất 1.729,2m² thuộc dự án hồ chứa nước Tư N của vợ chồng bà T, trên đất có hồ cá là đúng, lý do được

biết, ông Q xác định là người làm đôi công đào hồ nuôi cá cho vợ chồng bà T; người làm chứng ông Điều K' D cũng xác định việc vợ chồng bà T đào ao, thả cá trên diện tích đất trên là có thật.

Đại diện VKSND tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; chấp nhận đơn khởi kiện của bà T hủy QĐ số 47/QĐ-UBND; Hủy các Thông báo số 228/TB-UBND; Thông báo số 45/TCD ngày 03-5-2017 của UBND huyện Cát T nêu trên. Đối với văn bản số 421/TB-UBND ngày 30-12-2015 là văn bản nội bộ (văn bản chỉ đạo kiểm tra tham mưu giải quyết khiếu nại), không thuộc đối tượng khởi kiện theo khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính; tại phiên tòa người khởi kiện đã rút yêu cầu này, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện ông Trần Trọng C vắng mặt, không gửi bản luận cứ, không thuộc trường hợp bất khả kháng, căn cứ khoản 3 Điều 158 của Luật tổ tụng hành chính để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Tư cách tố tụng người liên quan: Ông Điều K' L và bà T và vợ chồng, đến ngày 07-10-2016; ông Điều K' L chết, nên ông Điều K' M, bà Điều Thị K'B là cha mẹ của ông Điều K' L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về đối tượng, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện*: Bà T khởi kiện cho rằng diện tích diện tích 1.729,2m² ao (*hồ nuôi trồng Thủy sản*); đã được lập hồ sơ hỗ trợ, bồi thường giá trị đất, trị giá 159.086.000đ (*đã làm tròn số*), theo QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 29-5-2015 nhưng chưa được nhận số tiền này. Tuy nhiên, UB huyện Cát T ban hành QĐ số 47/QĐ-UBND ngày 09-5-2016 “*Không chi trả số tiền 159.086.000đ cho hộ ông Điều K' L...*” là không đúng, xâm hại đến quyền lợi của vợ chồng. Sau khi khiếu nại, UB huyện giải quyết khiếu nại tại văn bản số 228/TB-UBND ngày 20-7-2016; Thông báo số 45/TCD ngày 03-5-2017; nên đề nghị hủy các QĐ và các văn bản này. Về phía người bị kiện cho rằng diện tích đất thu hồi của vợ chồng ông Điều K' L, bà T không đủ điều kiện để bồi thường; không chấp nhận khởi kiện nên phát sinh tranh chấp. Do vậy bà T khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện quy định Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính, căn cứ các Điều 30, Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính; xác định đối tượng “*khiếu kiện QĐ hành chính bồi thường thu hồi đất; Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực bồi thường*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện; đối chiếu với tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

- Đối với văn bản số 421/TB-UBND ngày 30-12-2015 là văn bản “*chỉ đạo điều hành về kiểm tra tham mưu giải quyết khiếu nại*” thuộc văn bản nội bộ, không thuộc đối tượng khởi kiện theo khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng

hành chính. Do vậy tại phiên tòa người khởi kiện đã rút yêu cầu này, nên căn cứ khoản 2 Điều 173 của Luật tố tụng hành chính để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp.

- Theo QĐ số 60/QĐ-UBND về thu hồi diện tích 1.729,2m² ao (*hồ nuôi trồng Thủy sản*), hiện QĐ này đang có hiệu lực pháp luật, không bị QĐ hành chính nào thu hồi, hủy bỏ, được đại diện người bị kiện thừa nhận. Căn cứ QĐ số 60/QĐ-UBND; UB huyện Cát T ban hành QĐ số 91/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường; QĐ số 103/QĐ-UBND điều chỉnh giảm bồi thường từ 182.985.600đ; xuống còn số tiền 159.086.000đ; lý do điều chỉnh “*trừ diện tích đất đường giao thông*”. Về phía người khởi kiện đồng ý với QĐ số 103/QĐ-UBND.

Theo tài liệu thu thập thể hiện tại thời điểm kiểm tra hiện trạng, theo biên bản ngày 08-01-2014 (bút lục 53, 54) thể hiện ông Điều K’ L ký và ghi “*đề nghị tính đất ao hồ*” nhưng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng không tiến hành kiểm tra hiện trạng theo đề nghị này; sau đó UB huyện Cát T ban hành QĐ số 60/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.729,2m² ao (*hồ nuôi trồng Thủy sản*); ban hành QĐ phê duyệt bồi thường là mặc nhiên chấp nhận đề nghị của ông Điều K’ L được bồi thường theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, QĐ số 47/QĐ-UBND lại cho rằng “*đất rừng sản xuất, đất chưa tác động*”, nên vợ chồng bà T không được bồi thường lại mâu thuẫn với chính QĐ số 60/QĐ-UBND xác định diện tích 1.729,2m² ao (*hồ nuôi trồng Thủy sản*) hiện đang có hiệu lực. Đối chiếu với biên bản xem xét thẩm định ngày 09-3-2018 (bút lục 134-137) hiện trạng vị trí đất này là “*hồ đã tích nước ngập*”, trong khi đó người bị kiện không đưa ra được tài liệu chứng minh vợ chồng bà T chưa tác động, hiện trạng đất rừng sản xuất thì cây rừng thế nào. Lời khai người làm chứng tại phiên tòa xác định vị trí đất thu hồi của vợ chồng bà T có hồ nuôi cá do vợ chồng bà T đào là có thật. Về phía người bị kiện chỉ đưa ra căn cứ bản đồ đo đạc thực hiện giải phóng mặt bằng thể hiện vị trí diện tích 1.729,2m² ghi đất rừng sản xuất; trong khi đó xung quanh đều không thuộc đất rừng sản xuất (bút lục 222); nên người bị kiện cho rằng bà T không được bồi thường là không có căn cứ.

Từ phân tích nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; hủy QĐ số 47/QĐ-UBND; Hủy các Thông báo số 228/TB-UBND; Thông báo số 45/TCD ngày 03-5-2017 của UBND huyện Cát T như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ; người khởi kiện bà T yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ vị trí đất thu hồi. Tuy nhiên, việc xem xét không có ý nghĩa giải quyết vụ án, nên bà T tự chịu chi phí tố tụng 4.100.000 đồng và được quyết toán xong, nên không đề cập phần Quyết định của bản án.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, người bị kiện UBND huyện Cát T phải chịu án phí theo quy định pháp luật; hoàn trả cho bà T số tiền nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 158; khoản 2 Điều 173; các Điều 164, 191; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Xử

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T; về yêu cầu hủy văn bản (thông báo) số 421/TB-UBND ngày 30-12-2015 của UB huyện Cát T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc “*khieux kiện QĐ hành chính bồi thường thu hồi đất; Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực bồi thường*”

- Hủy QĐ số 47/QĐ-UBND ngày 09-5-2016 của UBND huyện Cát T; Hủy Văn bản (thông báo) số 228/TB-UBND ngày 20-7-2016 của chủ tịch UBND huyện Cát T; Văn bản (Thông báo) số 45/TCD ngày 03-5-2017 đều của UBND huyện Cát T.

2. Về án phí: Buộc UBND huyện Cát T phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị T số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí hành chính, theo biên lai thu số 0005718 ngày 14-11-2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người khởi kiện, người bị kiện có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
 - Phòng KTNV&THA;
 - Cục THADS tỉnh LD
 - Người khởi kiện
 - Người bị kiện
 - Người liên quan
 - Lưu án văn; Hồ sơ vụ án;
- (để
thi
hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Kim Đồng